

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2018/HSST

Ngày 07 tháng 3 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đại Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Cao Xuân Bằng

Nghề nghiệp: Chủ tịch hội nông dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa

2. Bà: Lê Thị Hiền

Nghề nghiệp: Giáo viên cấp 3 huyện bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

-Thư ký phiên tòa: Ông Hà Xuân Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2018/HSST ngày 25 tháng 01 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HS ngày 23/02/2018, đối với bị cáo;

Phạm Văn N, sinh ngày 16 tháng 9 năm 1999; Nơi sinh và Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện Th, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn S sinh năm 1969 và bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1971; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày từ 28/8/2017, được thay đổi lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 26/CSĐT ngày 03/9/2017. Ngày 23/8/2017 Phạm Văn N bị Tòa án nhân dân huyện Th xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài

sản”. Đến ngày 09/02/2018 bị tạm giữ; bị tạm giam từ ngày 12/02/2018 có hành vi trộm cắp tài sản ngày 14/12/2017. Có mặt tại phiên tòa.

Những người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Hà Nam Khánh (vắng mặt)

Nơi công tác: Huyện đoàn huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ông: Trịnh Văn Thịnh trợ giúp viên pháp lý chi nhánh số 3 trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

3. Bà: Lương Thanh Vân trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Bà Hoàng Thị Th (mẹ đẻ) - sinh năm 1971 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện Th, tỉnh H.

Bị hại: Trương Văn P - sinh ngày 17/8/1999 (vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú: Thôn Cò M, xã Hạ T, huyện Th, tỉnh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Đỗ Quang Kh - sinh năm 1989 (có mặt).

Nơi cư trú: Phố 2, xã X, huyện Th, tỉnh H.

- Anh Trương Văn B - Sinh năm 1979 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Cò M, xã Hạ T, huyện Th, tỉnh H.

Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1991 (có mặt).

Nơi cư trú: Phố 2, xã Lâm X, huyện Th, tỉnh H.

- Anh Dương Ngọc H - Sinh ngày: 12/12/1999 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn V, xã X, huyện Th, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 25/8/2017, Phạm Văn N, sinh ngày 16/9/1999; trú tại: Thôn Đ, xã X, huyện Th, tỉnh H, quen biết với Trương Văn P, sinh ngày 17/8/1999 thôn Cò M, xã Hạ T, huyện Th, tỉnh H, N hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WEVERSX BKS: 36G5-054.60, số khung:

5221CY610387, số máy: JC52E5023638 với P, tại quán Karaoke nhà Hùng H Phố 3 thị trấn Cành N, huyện Th về nhà tắm. Sau khi tắm xong, do cần tiền tiêu dùng cá nhân N nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nên mở cốp xe kiểm tra bên trong, thấy 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Trương Văn P và một đăng ký xe mang tên Trương Văn B là bố của P. N đi xe mô tô lên quán internet nhà anh L phố 3 thị trấn Cành N huyện Th, gặp Dương Ngọc H, hỏi có ai cầm cố xe mô tô không, H gọi điện thoại di động cho Đỗ Quang Kh, sinh năm 1989 ở phố 2 xã X huyện Th tỉnh Thanh Hóa hỏi “có người bạn muốn cầm cố chiếc xe máy” Kh trả lời” không cầm cố” nghe Kh nói vậy H nói lại cho N biết. Lúc sau Ngọc mượn điện thoại của H gọi lại cho Kh và hỏi “có cho cầm cố không” Kh trả lời “không cho, có bán thì mang đến khu vực trước cửa hàng thế giới di động, ở phố 3, thị trấn Cành N để xem xe. N đã đem xe đến gặp Kh, sau khi kiểm tra xe xong Kh hỏi N “xe máy của ai” N trả lời “xe của bố đang cần tiền muốn bán có cả giấy tờ và đăng ký đây” đồng thời N đưa cho Kh xem đăng ký xe BKS 36G5-054.60 kèm theo giấy chứng minh nhân dân mang tên Trương Văn P, Kh chỉ xem đăng ký mà không xem chứng minh nhân dân. Sau khi xem xong Kh trả giá 10.000.000đ, N đồng ý bán xe cho Kh, hai bên cam kết bằng miệng xong Kh cầm đăng ký xe và bảo N đưa xe xuống nhà giao xe, có người đưa tiền cho. N đi xe đến gặp chị Nguyễn Thị Tr vợ Kh giao xe rồi nhận tiền. Đến ngày 27/8/2017 trong lúc P đi tìm N để đòi xe mô tô thì thấy Kh đang điều khiển xe mô tô của mình nên đã đuổi theo, gặp Kh thì biết là N đã bán xe cho Kh nên P đã đến Công an huyện Th để trình báo, cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Th đã tạm giữ chiếc xe máy BKS 36G5-054.60. Chứng minh thư nhân dân mang tên Trương Văn P thì do N ở nhà nghỉ Tân Thương L do hết tiền nên chưa trả lại, Công an huyện Th đã tạm giữ để điều tra. Ngày 28/8/2017 thì Phạm Văn N bị bắt theo Lệnh bắt khẩn cấp số 03/CSĐT của công an huyện Th tỉnh H.

Theo kết luận định giám tài sản ngày 30/08/2017 của Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da, số loại: WEVERSX, màu sơn: Đỏ-Đen-Xám, BKS 36G5-054.60 là 10.687.500đ (mười triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Ngày 19/10/2017 bà Hoàng Thị Th mẹ đẻ của N đã đền bù được 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho Kh, Kh yêu cầu N phải bồi thường số tiền còn

lại là 8.000.000đ (tám triệu đồng). Anh Trương Văn P và ông Trương Văn B không có yêu cầu bồi thường.

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, sau khi xét hỏi và tranh luận, Phạm Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Cáo trạng số: 06/CT-VKS-KT, ngày 24/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Phạm Văn N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo điểm b khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá thước đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Phạm Văn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 140 BLHS 1999; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị xử phạt bị cáo: Từ 18 (mười tám) đến 24 (hai bốn) tháng tù giam, bị cáo được trừ đi 6 ngày tạm giữ cộng với thời gian cải tạo không giam giữ là 9 tháng chuyển sang tù giam là 3 tháng tù giam. Buộc bị cáo phải trả cho anh Đỗ Quang Kh số tiền là 8.000.000đ. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quan điểm của những người bào chữa: Bị cáo phạm tội khi 17 tuổi 11 tháng 21 ngày, áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 69; khoản 1 Điều 74; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015). Tuyên bị cáo ở mức hình phạt nhẹ hơn người đủ 18 tuổi phạm tội, với mức hình phạt phù hợp, thấp nhất đủ sức răn đe, trừng phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật hình sự cũng như tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét đưa ra bản án thích hợp cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, người bào chữa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo Phạm Văn N, Khoảng 17 giờ ngày 25/8/2017, do quen biết với Trương Văn P tại quán hát Karaoke Phạm Văn N đã mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WEVERSX Biển Kiểm Soát 36G5-054.60, số khung: 5221CY610387, số máy: JC52E5023638 của P về nhà để đi tắm, sau khi tắm xong, do cần tiền tiêu dùng N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nên mở cốp xe kiểm tra các giấy tờ xe, rồi mang đi cầm cố chiếc xe máy để lấy tiền, nhưng không cầm cố được, nên Ngọc đã bán luôn cho anh Đỗ Quang Kh số tiền là: 10.000.000đ (mười triệu đồng) để lấy tiền tiêu dùng cá nhân.

Hành vi của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, đơn trình báo của người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 tương ứng với điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội không lớn, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội và trên địa bàn, Xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp.

Động cơ và mục đích của bị cáo là muốn có tiền tiêu dùng cá nhân.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không có; tiền sự không, tiền án không; cần phải xử phạt tù bị cáo, nhằm giáo dục, cải tạo người phạm tội trở thành người tốt. Nhưng khi lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm hình phạt cho bị cáo vì sau khi bị bắt và

tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo; Khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định đối với người phạm tội dưới 18 tuổi. Mẹ bị cáo bồi thường thay cho bị cáo, đây cũng là mong muốn của bị cáo số tiền là 2.000.000đ cho anh Đỗ Quang Kh, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015);

So sánh quy định quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì mức phạt tù từ ba tháng đến ba năm, thấp hơn so với mức hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2016, của Quốc hội và Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao nên cho bị cáo được hưởng mức khoan hồng của chính sách pháp luật hình sự năm 1999.

Bản án số 25/2017/HSST ngày 23/8/2017 của tòa án nhân dân huyện Bá Thước xử phạt bị cáo Phạm Văn N 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ đến ngày hôm nay thì bản án đã có hiệu lực pháp luật, nên đổi thành 03 (ba) tháng tù và tổng hợp hình phạt hai bản án, trừ đi 06(sáu) ngày tạm giữ cho bị cáo.

Đề nghị của Viện kiểm sát: Về áp dụng pháp luật và mức hình phạt đối với bị cáo có phần hơi nghiêm vì khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi.

Đề nghị của những người bào chữa là có căn cứ, nên cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp đối với người phạm tội chưa đủ 18 tuổi.

Bị cáo chiếm đoạt chiếc xe mô tô mục đích là để có tiền tiêu dùng cá nhân và khi phạm tội thì bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Ngày 19/10/2017 bà Hoàng Thị Th mẹ đẻ của Phạm Văn N đã đền bù được 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho Đỗ Quang Kh, Kh yêu cầu N phải bồi thường số tiền còn lại là 8.000.000đ (tám triệu đồng) đây là yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường số tiền là 8.000.000 đ. Anh Trương Văn P vắng mặt do đi nhập ngũ, thực hiện nghĩa vụ quân sự; đã có đơn cùng với ông Trương Văn B không có yêu cầu bồi thường gì thêm, đây là sự tự nguyện không trái với đạo đức xã hội và quy định của pháp luật.

[3] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

Cơ quan quan điều tra đã thu giữ của bị cáo gồm: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da, số loại: WEVERSX, màu sơn: Đỏ-Đen-Xám, BKS 36G5-054.60 và một chứng minh nhân dân số 174933943 mang tên Trương Văn P. Ngày 12/9/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Th đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 400.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 4 Điều 98; Điều 101; Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo:

Phạm Văn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo: Phạm Văn N 12 (mười hai) tháng tù, tổng hợp với 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ thành 03 (ba) tháng tù của bản án số 25/2017/HSST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Th; tổng hình phạt cả hai bản án là 15 (mười lăm) tháng tù, trừ đi 06 (sáu) ngày tạm giữ. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đỗ Quang Kh số tiền là 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo: Phạm Văn N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 400.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày 07 tháng 3 năm 2018. Vắng mặt người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở chính quyền xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Sở Tư pháp tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Th;
- Công an huyện Th, Công an trại giam;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Đại Long